

Số: 966/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy
tiếng Anh bán phần đợt tháng 3 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản Hội đồng xét tốt nghiệp số: 505/BB-ĐHNH, ngày 08/04/2026 và Tờ trình số: 88/TTr-ĐHNH-PQLĐT ngày 08 tháng 04 năm 2026 của Trường phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 218 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần đợt tháng 3 năm 2026.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTT (để đăng tin);
- Lưu VP, PQLĐT.

HIỆU TRƯỞNG 

GS.TS. Nguyễn Đức Trung

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BÁN PHẦN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 3 NĂM 2026**



(Ban hành kèm theo Quyết định số: 966/QĐ-ĐHNH, ngày 08 tháng 04 năm 2026 của Hiệu trưởng)

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập | | Ngành tốt nghiệp | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------|-------|------------|-----------|-----------|-----------------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
| | | | | | | | Hệ 4 | SỐ TC | | | | |
| 1 | 050606180044 | Tống Kim | Châu | 08/03/2000 | Nữ | HQ6-GE02 | 2.96 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K6 | |
| 2 | 050606180190 | Huỳnh Ngọc Duy | Long | 21/08/2000 | Nam | HQ6-GE08 | 2.86 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K6 | |
| 3 | 030534180117 | Hà Thị Ngọc | Nga | 28/04/2000 | Nữ | HQ6-GE08 | 3.13 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K6 | |
| 4 | 050606180276 | Nguyễn Phương Bảo | Nhi | 17/04/2000 | Nữ | HQ6-GE09 | 3.01 | 129 | Quản trị kinh doanh | Khá | K6 | |
| 5 | 030134180031 | Đặng Thị Ngọc | Ánh | 19/03/2000 | Nữ | HQ6-GE06 | 2.62 | 129 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K6 | |
| 6 | 050607190006 | Võ Thị Hoài | An | 13/12/2001 | Nữ | HQ7-GE09 | 2.87 | 130 | Kế toán | Khá | K7 | |
| 7 | 050607190042 | Viên Thị Chăm | Anh | 31/03/2001 | Nữ | HQ7-GE09 | 3.06 | 130 | Kế toán | Khá | K7 | |
| 8 | 050607190052 | Ngô Bùi Minh | Bảo | 19/11/2001 | Nam | HQ7-GE03 | 2.91 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 | |
| 9 | 050607190147 | Trần Gia | Hân | 18/08/2001 | Nữ | HQ7-GE03 | 3.15 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 | |
| 10 | 050607190485 | Nguyễn Lê Ngọc | Thiện | 21/08/2001 | Nam | HQ7-GE03 | 2.91 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 | |
| 11 | 050607190082 | Huỳnh Hồ Khánh | Duy | 03/07/2001 | Nam | HQ7-GE10 | 3.25 | 130 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K7 | |
| 12 | 050607190200 | Nguyễn Hoàng Ngân | Khánh | 10/06/2001 | Nữ | HQ7-GE10 | 3.24 | 130 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K7 | |
| 13 | 050607190550 | Nguyễn Diệp Thùy | Trang | 14/11/2001 | Nữ | HQ7-GE11 | 2.94 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 | |
| 14 | 050607190634 | Phan Thị Túy | Vân | 13/02/2001 | Nữ | HQ7-GE11 | 3.10 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 | |
| 15 | 050607190603 | Tạ Thị Ngọc | Tú | 30/06/2001 | Nữ | HQ7-GE13 | 3.17 | 130 | Quản trị kinh doanh | Khá | K7 | |
| 16 | 030135190355 | Phạm Kim | Ngân | 11/06/2001 | Nữ | HQ7-GE05 | 3.20 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K7 | |
| 17 | 050607190341 | Lê Hồng | Nhi | 18/10/2001 | Nữ | HQ7-GE17 | 3.14 | 130 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K7 | |
| 18 | 050608200444 | Nguyễn Đăng | Minh | 27/08/2002 | Nam | HQ8-GE01 | 2.99 | 123 | Kế toán | Khá | K8 | |
| 19 | 050608200154 | Phạm Nguyễn Anh | Thư | 16/11/2002 | Nữ | HQ8-GE10 | 3.22 | 123 | Kế toán | Giỏi | K8 | |
| 20 | 050608200223 | Trương Hoài | An | 15/06/2002 | Nam | HQ8-GE02 | 3.08 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 | |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập | | Ngành tốt nghiệp | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------|--------|------------|-----------|-----------|-----------------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
| | | | | | | | Hệ 4 | SỐ TC | | | | |
| 21 | 050608200514 | Đoàn Trần Yến | Nhi | 30/09/2002 | Nữ | HQ8-GE03 | 3.13 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 | |
| 22 | 050608200011 | Nguyễn Thị | Anh | 02/02/2002 | Nữ | HQ8-GE11 | 3.17 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 | |
| 23 | 050608200348 | Nguyễn Hòa | Hiệp | 05/11/2001 | Nam | HQ8-GE11 | 2.79 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 | |
| 24 | 050608200417 | Lê Thị Thuỳ | Linh | 13/03/2002 | Nữ | HQ8-GE11 | 3.14 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 | |
| 25 | 050608200730 | Nguyễn Ngọc | Trâm | 22/08/2002 | Nữ | HQ8-GE12 | 3.19 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 | |
| 26 | 050608200505 | Dương Thị Thanh | Nhân | 25/09/2002 | Nữ | HQ8-GE13 | 2.97 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K8 | |
| 27 | 050608200425 | Trịnh Thị Mỹ | Linh | 02/05/2002 | Nữ | HQ8-GE05 | 3.26 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K8 | |
| 28 | 050608200269 | Phạm Thanh | Danh | 17/09/2002 | Nam | HQ8-GE07 | 3.02 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 | |
| 29 | 050608200209 | Nguyễn Phạm Hải | Bình | 04/12/2002 | Nữ | HQ8-GE08 | 3.18 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 | |
| 30 | 050608200741 | Tô Hoàng | Trinh | 10/09/2001 | Nữ | HQ8-GE14 | 2.85 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 | |
| 31 | 050608200082 | Trần Thanh | Lâm | 02/10/2002 | Nam | HQ8-GE17 | 2.94 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K8 | |
| 32 | 050609210037 | Trần Hoàng | Anh | 06/01/2003 | Nam | HQ9-GE01 | 2.90 | 123 | Kế toán | Khá | K9 | |
| 33 | 050609212358 | Lê Đình | Đệ | 18/05/2003 | Nam | HQ9-GE01 | 2.70 | 123 | Kế toán | Khá | K9 | |
| 34 | 050609211894 | Lê Ngọc Quỳnh | Giang | 06/06/2003 | Nữ | HQ9-GE01 | 3.20 | 123 | Kế toán | Giỏi | K9 | |
| 35 | 050609210462 | Đỗ Lê | Hương | 26/08/2003 | Nữ | HQ9-GE01 | 2.90 | 123 | Kế toán | Khá | K9 | |
| 36 | 050609210961 | Vũ Lê Trúc | Nhã | 02/05/2003 | Nữ | HQ9-GE01 | 3.10 | 123 | Kế toán | Khá | K9 | |
| 37 | 050609211416 | Lê Hoàng Anh | Thư | 19/05/2002 | Nữ | HQ9-GE01 | 2.90 | 123 | Kế toán | Khá | K9 | |
| 38 | 050609212280 | Trần Hoàng Ngọc | Trâm | 14/07/2003 | Nữ | HQ9-GE01 | 3.20 | 123 | Kế toán | Giỏi | K9 | |
| 39 | 050609211721 | Nguyễn Thị Xuân | Vy | 17/04/2003 | Nữ | HQ9-GE01 | 3.30 | 123 | Kế toán | Giỏi | K9 | |
| 40 | 050609210304 | Đỗ Phương | Giang | 12/06/2003 | Nữ | HQ9-GE11 | 3.00 | 123 | Kế toán | Khá | K9 | |
| 41 | 050609212277 | Lương Hoài | Trâm | 01/01/2003 | Nữ | HQ9-GE11 | 2.80 | 123 | Kế toán | Khá | K9 | |
| 42 | 050609211688 | Trần Thanh | Vân | 19/01/2003 | Nữ | HQ9-GE11 | 3.20 | 123 | Kế toán | Giỏi | K9 | |
| 43 | 050609212143 | Lương Thị Anh | Phuong | 31/08/2003 | Nữ | HQ9-GE12 | 3.10 | 123 | Kế toán | Khá | K9 | |
| 44 | 050609210023 | Hồ Thúy | An | 20/04/2003 | Nữ | HQ9-GE02 | 2.90 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập | | Ngành tốt nghiệp | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------|-------|------------|-----------|-----------|-----------------|-------|---------------------|----------|------|---------|
| | | | | | | | Hệ 4 | SỐ TC | | | | |
| 45 | 050609210149 | Phạm Nguyễn Hoàng | Châu | 17/04/2003 | Nữ | HQ9-GE02 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 46 | 050609211914 | Mai Thu | Hằng | 06/08/2003 | Nữ | HQ9-GE02 | 3.00 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 47 | 050609212082 | Đào Thuỳ | Nhã | 02/04/2003 | Nữ | HQ9-GE02 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 48 | 050609212368 | Nguyễn Lê Ngọc | Thư | 09/01/2003 | Nữ | HQ9-GE02 | 2.80 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 49 | 050609211877 | Nguyễn Hoàng Mỹ | Duyên | 13/12/2003 | Nữ | HQ9-GE03 | 3.40 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 50 | 050609210640 | Trần Ngọc Yến | Linh | 11/06/2002 | Nữ | HQ9-GE03 | 2.90 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 51 | 050609210757 | Nguyễn Châu Hoàng | Minh | 10/12/2003 | Nữ | HQ9-GE03 | 3.00 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 52 | 050609211232 | Phạm Trúc | Quỳnh | 10/09/2003 | Nữ | HQ9-GE03 | 2.90 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 53 | 050609211829 | Trần Ngọc Tuấn | Anh | 24/03/2003 | Nam | HQ9-GE04 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 54 | 050609210648 | Đỗ Hoàng Ánh | Linh | 28/10/2003 | Nữ | HQ9-GE04 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 55 | 050609211207 | Hà Thị Kim | Quyên | 27/02/2003 | Nữ | HQ9-GE04 | 2.90 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 56 | 050609211334 | Nguyễn Phương | Thảo | 26/05/2003 | Nữ | HQ9-GE04 | 3.00 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 57 | 050609212284 | Nguyễn Ngọc Bảo | Trần | 23/07/2003 | Nữ | HQ9-GE04 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 58 | 050609210017 | Thái Tăng Hoài | An | 03/10/2003 | Nữ | HQ9-GE13 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 59 | 050609210025 | Nguyễn Lê Trường | An | 18/11/2003 | Nam | HQ9-GE13 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 60 | 050609211831 | Trương Minh | Anh | 03/03/2003 | Nữ | HQ9-GE13 | 3.40 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 61 | 050609211832 | Võ Minh | Anh | 10/03/2003 | Nữ | HQ9-GE13 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 62 | 050609211837 | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh | 10/09/2003 | Nữ | HQ9-GE13 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 63 | 050609210126 | Nguyễn Quốc | Bảo | 14/11/2003 | Nam | HQ9-GE13 | 3.00 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 64 | 050609211865 | Vũ Thị Phương | Diệu | 23/09/2003 | Nữ | HQ9-GE13 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 65 | 050609211871 | Nguyễn Hồ An | Duy | 22/07/2003 | Nam | HQ9-GE14 | 2.90 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 66 | 050609211897 | Nguyễn Hương | Giang | 05/03/2003 | Nữ | HQ9-GE14 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 67 | 050609211902 | Vũ Quỳnh | Giang | 13/02/2003 | Nữ | HQ9-GE14 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 68 | 050609211923 | Lê Hoàng | Hân | 19/07/2003 | Nữ | HQ9-GE14 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập | | Ngành tốt nghiệp | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------|---------|------------|-----------|-----------|-----------------|-------|---------------------|----------|------|---------|
| | | | | | | | Hệ 4 | SỐ TC | | | | |
| 69 | 050609211928 | Nguyễn Ngọc | Gia Hân | 25/02/2003 | Nữ | HQ9-GE14 | 3.00 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 70 | 050609211934 | Trần Bảo | Hân | 25/09/2003 | Nữ | HQ9-GE14 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 71 | 050609210384 | Lê Diễm | Hằng | 03/08/2003 | Nữ | HQ9-GE14 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 72 | 050609210413 | Vũ Thị Thanh | Hiếu | 17/09/2003 | Nữ | HQ9-GE14 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 73 | 050609210487 | Hà Hoàng | Huy | 22/01/2003 | Nam | HQ9-GE14 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 74 | 050609211960 | Phạm Lê | Huy | 06/03/2003 | Nam | HQ9-GE14 | 2.80 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 75 | 050609210531 | Vũ Kim | Khánh | 02/09/2003 | Nữ | HQ9-GE15 | 2.70 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 76 | 050609211995 | Lê Tuấn | Kiệt | 05/04/2003 | Nam | HQ9-GE15 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 77 | 050609212002 | Phùng Thanh | Liêm | 20/07/2003 | Nam | HQ9-GE15 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 78 | 050609210683 | Lý Huỳnh Phụng | Linh | 30/08/2003 | Nữ | HQ9-GE15 | 3.00 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 79 | 050609212005 | Đặng Hoàng Trúc | Linh | 08/04/2003 | Nữ | HQ9-GE15 | 2.70 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 80 | 050609212025 | Phạm Tấn | Lộc | 28/12/2003 | Nam | HQ9-GE15 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 81 | 050609212047 | Trần Ngọc Ánh | Minh | 15/03/2003 | Nữ | HQ9-GE15 | 3.00 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 82 | 050609210966 | Nguyễn Hữu | Nhân | 17/09/2003 | Nam | HQ9-GE16 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 83 | 050609212090 | Võ Lâm Hồng | Nhân | 27/02/2003 | Nam | HQ9-GE16 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 84 | 050609211008 | Nguyễn Thị Yến | Nhi | 02/11/2003 | Nữ | HQ9-GE16 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 85 | 050609212099 | Nguyễn Thị Yến | Nhi | 24/07/2003 | Nữ | HQ9-GE16 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 86 | 050609212114 | Mai Thị Quỳnh | Như | 03/04/2003 | Nữ | HQ9-GE16 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 87 | 050609212123 | Nguyễn Thứ | Nữ | 18/06/2003 | Nữ | HQ9-GE16 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 88 | 050609212128 | Vũ Hoàng | Oanh | 18/08/2003 | Nữ | HQ9-GE16 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 89 | 050609212145 | Ngô Như | Phương | 18/10/2003 | Nữ | HQ9-GE16 | 3.60 | 123 | Quản trị kinh doanh | Xuất sắc | K9 | |
| 90 | 050609212167 | Nguyễn Thị Diễm | Quỳnh | 24/07/2003 | Nữ | HQ9-GE17 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 91 | 050609212177 | Hồ Minh | Tâm | 01/09/2003 | Nam | HQ9-GE17 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 92 | 050609212203 | Nguyễn Thị Hồng | Thắm | 26/03/2003 | Nữ | HQ9-GE17 | 3.40 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập | | Ngành tốt nghiệp | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------|--------|------------|-----------|-----------|-----------------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
| | | | | | | | Hệ 4 | SỐ TC | | | | |
| 93 | 050609211353 | Lê Ngọc | Thảo | 28/11/2003 | Nữ | HQ9-GE17 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 94 | 050609212196 | Phạm Thị Kim | Thảo | 19/12/2003 | Nữ | HQ9-GE17 | 3.00 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 95 | 050609212205 | Nguyễn Như | Thế | 24/05/2003 | Nữ | HQ9-GE17 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 96 | 050609211421 | Trần Ngọc Anh | Thư | 19/11/2003 | Nữ | HQ9-GE17 | 3.00 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 97 | 050609212241 | Phùng Thị Anh | Thư | 20/12/2003 | Nữ | HQ9-GE17 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 98 | 050609211617 | Nguyễn Khang | Trường | 26/06/2003 | Nam | HQ9-GE18 | 2.90 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 99 | 050609212318 | Trần Phương | Uyên | 17/03/2003 | Nữ | HQ9-GE18 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 100 | 050609212319 | Trương Hà Trúc | Uyên | 26/11/2003 | Nữ | HQ9-GE18 | 3.10 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 101 | 050609212341 | Trần Thị Tường | Vy | 18/10/2003 | Nữ | HQ9-GE18 | 2.80 | 123 | Quản trị kinh doanh | Khá | K9 | |
| 102 | 050609212347 | Huỳnh A | Vỹ | 28/04/2003 | Nam | HQ9-GE18 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 103 | 050609211783 | Trần Vũ Như | Ý | 12/01/2003 | Nữ | HQ9-GE18 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K9 | |
| 104 | 050609210210 | Nguyễn Thành | Đạt | 16/03/2003 | Nam | HQ9-GE05 | 3.40 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 105 | 050609210532 | Ngô Nhật | Khánh | 02/03/2003 | Nam | HQ9-GE05 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 106 | 050609211036 | Ngô Thị Quỳnh | Như | 21/03/2003 | Nữ | HQ9-GE05 | 2.70 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 107 | 050609211338 | Lê Thị Ngọc | Thảo | 01/08/2003 | Nữ | HQ9-GE05 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 108 | 050609211700 | Nguyễn Khôi | Vĩ | 15/01/2003 | Nam | HQ9-GE05 | 2.80 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 109 | 050609211854 | Lê Thị Minh | Châu | 04/09/2003 | Nữ | HQ9-GE06 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 110 | 050609210279 | Trần Ngọc | Duyên | 20/05/2003 | Nữ | HQ9-GE06 | 2.80 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 111 | 050609210294 | Trương Quý Hoàng | Gia | 07/08/2003 | Nam | HQ9-GE06 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 112 | 050609210494 | Trần Mai Lệ | Huyền | 19/04/2003 | Nữ | HQ9-GE06 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 113 | 050609210596 | Nguyễn Thị Thiên | Kim | 31/07/2003 | Nữ | HQ9-GE06 | 3.50 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 114 | 050609210655 | Nguyễn Phùng Mỹ | Linh | 05/11/2003 | Nữ | HQ9-GE06 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 115 | 050609210967 | Đỗ Lại Hoàng | Nhân | 28/05/2003 | Nam | HQ9-GE06 | 2.70 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 116 | 050609211614 | Lê Đức Anh | Trung | 21/07/2003 | Nam | HQ9-GE06 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập | | Ngành tốt nghiệp | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------|-------|------------|-----------|-----------|-----------------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
| | | | | | | | Hệ 4 | SỐ TC | | | | |
| 117 | 050609211626 | Nguyễn Trần Việt | Tú | 07/10/2003 | Nữ | HQ9-GE06 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 118 | 050609211705 | Nguyễn Bá | Vinh | 26/07/2003 | Nam | HQ9-GE06 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 119 | 050609211740 | Nguyễn Thùy | Vy | 11/05/2003 | Nữ | HQ9-GE06 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 120 | 050609210236 | Lê Ngọc Phương | Dung | 25/10/2003 | Nữ | HQ9-GE07 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 121 | 050609210701 | Trần Quyết | Long | 09/09/2003 | Nam | HQ9-GE07 | 2.70 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 122 | 050609211605 | Lê Hoàng Lâm | Trúc | 02/10/2003 | Nữ | HQ9-GE07 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 123 | 050609212071 | Nguyễn Thị Bảo | Ngọc | 12/01/2003 | Nữ | HQ9-GE08 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 124 | 050609211440 | Nguyễn Thị Thanh | Thuý | 16/02/2003 | Nữ | HQ9-GE08 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 125 | 050609211485 | Võ Lê Cao | Tiến | 22/12/2003 | Nam | HQ9-GE08 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 126 | 050609211499 | Nguyễn Bảo | Toàn | 15/05/2003 | Nam | HQ9-GE08 | 2.70 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 127 | 050609210458 | Đoàn Thiên | Hương | 22/05/2003 | Nữ | HQ9-GE09 | 3.40 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 128 | 050609210988 | Đào Ngọc Yến | Nhi | 18/12/2003 | Nữ | HQ9-GE09 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 129 | 050609212120 | Trịnh Ngọc | Như | 18/02/2003 | Nữ | HQ9-GE09 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 130 | 050609212367 | Lê Gia | Huy | 30/12/2003 | Nam | HQ9-GE10 | 2.80 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 131 | 050609212258 | Nguyễn Trọng | Tín | 26/04/2003 | Nam | HQ9-GE10 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 132 | 050609212331 | Nguyễn Việt | Vinh | 25/12/2003 | Nam | HQ9-GE10 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 133 | 050609210080 | Nguyễn Minh | Anh | 26/06/2003 | Nam | HQ9-GE19 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 134 | 050609210198 | Ngô Diễm Đông | Đào | 19/04/2003 | Nữ | HQ9-GE19 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 135 | 050609211864 | Lê Thị Thúy | Diễm | 10/02/2003 | Nữ | HQ9-GE19 | 2.80 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 136 | 050609210234 | Trần Nhật Thùy | Dung | 08/03/2003 | Nữ | HQ9-GE19 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 137 | 050609210356 | Trần Huỳnh Thanh | Hân | 06/03/2003 | Nữ | HQ9-GE20 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 138 | 050609211943 | Lục Đức | Hiếu | 05/03/2003 | Nam | HQ9-GE20 | 2.80 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 139 | 050609210543 | Hà Lê Hoàng | Khánh | 24/06/2003 | Nữ | HQ9-GE21 | 2.80 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 140 | 050609210639 | Phan Nguyễn Thuý | Linh | 30/12/2003 | Nữ | HQ9-GE22 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập | | Ngành tốt nghiệp | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------|--------|------------|-----------|-----------|-----------------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
| | | | | | | | Hệ 4 | SỐ TC | | | | |
| 141 | 050609210650 | Đinh Thụy Huệ | Linh | 20/09/2003 | Nữ | HQ9-GE22 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 142 | 050609210659 | Nguyễn Trần Nhã | Linh | 17/04/2003 | Nữ | HQ9-GE22 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 143 | 050609212014 | Phan Bạch Khánh | Linh | 04/10/2003 | Nữ | HQ9-GE22 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 144 | 050609210732 | Lưu Phương | May | 29/12/2003 | Nữ | HQ9-GE22 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 145 | 050609212084 | Phan Thị Thanh | Nhã | 14/05/2003 | Nữ | HQ9-GE23 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 146 | 050609212094 | Hồ Ngọc Yến | Nhi | 07/09/2003 | Nữ | HQ9-GE23 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 147 | 050609211147 | Nguyễn Ngọc Minh | Phương | 25/01/2003 | Nữ | HQ9-GE24 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 148 | 050609211164 | Mai Nguyễn Yến | Phượng | 27/05/2003 | Nữ | HQ9-GE24 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 149 | 050609211205 | Hà Bảo | Quyên | 07/01/2003 | Nữ | HQ9-GE25 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 150 | 050609211269 | Huỳnh Thảo | Tâm | 04/08/2003 | Nữ | HQ9-GE25 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 151 | 050609211298 | Nguyễn Mạnh | Thắng | 28/08/2003 | Nam | HQ9-GE25 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 152 | 050609212187 | Trương Đoàn Phước | Thành | 19/05/2003 | Nam | HQ9-GE25 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 153 | 050609212188 | Bùi Thu Phương | Thảo | 24/04/2003 | Nữ | HQ9-GE25 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 154 | 050609211340 | Phạm Thùy Nguyên | Thảo | 03/03/2003 | Nữ | HQ9-GE26 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 155 | 050609212193 | Nguyễn Như | Thảo | 21/12/2003 | Nữ | HQ9-GE26 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 156 | 050609212208 | Phạm Thị Minh | Thi | 06/02/2003 | Nữ | HQ9-GE26 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 157 | 050609211414 | Nguyễn Trần Anh | Thư | 20/03/2003 | Nữ | HQ9-GE26 | 2.70 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 158 | 050609212278 | Phạm Thị Thùy | Trâm | 16/03/2003 | Nữ | HQ9-GE27 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 159 | 050609211616 | Huỳnh Lâm Chí | Trung | 02/01/2003 | Nam | HQ9-GE27 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 160 | 050609212334 | Đậu Nguyễn Thảo | Vy | 19/07/2003 | Nữ | HQ9-GE28 | 3.60 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Xuất sắc | K9 | |
| 161 | 050609211784 | Võ Huỳnh Như | Ý | 09/08/2003 | Nữ | HQ9-GE28 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K9 | |
| 162 | 050609212354 | Trần Thị Hải | Yến | 09/11/2003 | Nữ | HQ9-GE28 | 2.80 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K9 | |
| 163 | 050610220424 | Nguyễn Phạm Hạ | Như | 03/06/2004 | Nữ | HQ10-GE01 | 2.70 | 123 | Kế toán | Khá | K10 | |
| 164 | 050610220149 | Lê Trần Hồng | Hạnh | 08/04/2004 | Nữ | HQ10-GE13 | 3.20 | 123 | Kế toán | Giỏi | K10 | |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập | | Ngành tốt nghiệp | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------|-------|------------|-----------|-----------|-----------------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
| | | | | | | | Hệ 4 | SỐ TC | | | | |
| 165 | 050610221501 | Nguyễn Lê Gia | Tuệ | 28/08/2004 | Nữ | HQ10-GE04 | 3.20 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K10 | |
| 166 | 050610220811 | Trịnh Ngọc Minh | Anh | 07/12/2004 | Nữ | HQ10-GE14 | 3.30 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K10 | |
| 167 | 050610220076 | Võ Thái | Bình | 23/07/2004 | Nữ | HQ10-GE14 | 3.40 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K10 | |
| 168 | 050610220131 | Lê Thị Kim | Đô | 20/04/2004 | Nữ | HQ10-GE14 | 3.50 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K10 | |
| 169 | 050610221360 | Đoàn Minh | Thư | 07/06/2004 | Nữ | HQ10-GE14 | 3.50 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K10 | |
| 170 | 050610221446 | Trần Thị Mai | Trâm | 09/12/2004 | Nữ | HQ10-GE15 | 3.40 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K10 | |
| 171 | 050610221101 | Nguyễn Phạm Quỳnh | Nga | 16/10/2004 | Nữ | HQ10-GE19 | 3.40 | 123 | Quản trị kinh doanh | Giỏi | K10 | |
| 172 | 050610220081 | Trần Minh | Châu | 28/10/2004 | Nam | HQ10-GE05 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 173 | 050610220163 | Nguyễn Khánh Quỳnh | Hân | 07/07/2004 | Nữ | HQ10-GE05 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 174 | 050610221584 | Nguyễn Xuân Yên | Nhi | 12/08/2004 | Nữ | HQ10-GE05 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 175 | 050610220447 | Lê Tấn | Phát | 30/07/2004 | Nam | HQ10-GE06 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 176 | 050610221326 | Phạm Phương | Thảo | 14/01/2004 | Nữ | HQ10-GE06 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 177 | 050610220663 | Trần Quốc | Triệu | 02/01/2004 | Nam | HQ10-GE07 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 178 | 050610220869 | Ngô Hoàng Khánh | Duy | 29/08/2004 | Nam | HQ10-GE08 | 3.40 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 179 | 050610220304 | Cao Lê Thảo | My | 04/11/2004 | Nữ | HQ10-GE10 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 180 | 050610220398 | Nguyễn Bửu | Nhi | 20/08/2003 | Nữ | HQ10-GE10 | 3.50 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 181 | 050610221535 | Nguyễn Thị Xuân | Việt | 01/03/2004 | Nữ | HQ10-GE10 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 182 | 050610220730 | Đinh Lê Hồng Yên | Vy | 26/06/2004 | Nữ | HQ10-GE10 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 183 | 050610220761 | Nguyễn Thị Kim | Xuân | 18/01/2003 | Nữ | HQ10-GE10 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 184 | 050610220850 | Nguyễn Thành | Danh | 22/05/2004 | Nam | HQ10-GE20 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 185 | 050610220312 | Nguyễn Đặng Hoài | My | 11/03/2004 | Nữ | HQ10-GE20 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 186 | 050610220418 | Đinh Nhật Khánh | Như | 30/06/2004 | Nữ | HQ10-GE20 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 187 | 050610220666 | Lê Thị Phương | Trinh | 22/03/2004 | Nữ | HQ10-GE20 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 188 | 050610220955 | Nguyễn Quang | Huy | 16/09/2004 | Nam | HQ10-GE21 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập | | Ngành tốt nghiệp | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------|--------|------------|-----------|-----------|-----------------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
| | | | | | | | Hệ 4 | SỐ TC | | | | |
| 189 | 050610220411 | Đinh Bảo | Như | 04/08/2004 | Nữ | HQ10-GE21 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 190 | 050610220413 | Phạm Thị Thu | Nhung | 20/01/2004 | Nữ | HQ10-GE21 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 191 | 050610221246 | Lê Diễm | Phương | 10/11/2004 | Nữ | HQ10-GE21 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 192 | 050610220860 | Nguyễn Ngọc | Dung | 10/06/2004 | Nữ | HQ10-GE22 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 193 | 050610220944 | Đào Thị Minh | Hoàng | 01/01/2003 | Nữ | HQ10-GE22 | 3.50 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 194 | 050610221313 | Đặng Phương | Thảo | 12/04/2004 | Nữ | HQ10-GE22 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 195 | 050610220480 | Bùi Minh | Phượng | 06/03/2004 | Nữ | HQ10-GE23 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 196 | 050610220506 | Tạ Diễm Như | Quỳnh | 01/06/2004 | Nữ | HQ10-GE23 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 197 | 050610220491 | Nguyễn Thị Diễm | Quỳnh | 10/09/2004 | Nữ | HQ10-GE23 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 198 | 050610220573 | Hoàng Phương | Thùy | 15/04/2003 | Nữ | HQ10-GE25 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 199 | 050610220792 | Lê Phương | Anh | 04/11/2004 | Nữ | HQ10-GE26 | 3.40 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 200 | 050610220835 | Trần Thị Như | Bình | 21/08/2004 | Nữ | HQ10-GE26 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 201 | 050610220972 | Phạm Thị Mai | Hương | 26/10/2004 | Nữ | HQ10-GE26 | 3.60 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Xuất sắc | K10 | |
| 202 | 050610221144 | Lê Thảo | Nguyễn | 22/12/2004 | Nữ | HQ10-GE26 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 203 | 050610221371 | Nguyễn Lê Anh | Thư | 16/01/2004 | Nữ | HQ10-GE26 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 204 | 050610220739 | Nguyễn Hải | Vy | 26/08/2004 | Nữ | HQ10-GE26 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 205 | 050610220880 | Lê Nguyễn Hồng | Đào | 24/11/2004 | Nữ | HQ10-GE27 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 206 | 050610220873 | Cao Kỳ | Duyên | 06/11/2002 | Nữ | HQ10-GE27 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 207 | 050610220928 | Huỳnh Bích | Hiền | 11/08/2004 | Nữ | HQ10-GE27 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 208 | 050610220962 | Trần Thị Thanh | Huyền | 10/05/2004 | Nữ | HQ10-GE28 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 209 | 050610221021 | Phan Tôn Hoàng | Lâm | 27/10/2004 | Nam | HQ10-GE29 | 3.40 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 210 | 050610221060 | Vi | Mạch | 07/04/2004 | Nam | HQ10-GE29 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 211 | 050610221169 | Lê Nguyễn Ngọc | Nhi | 13/08/2004 | Nữ | HQ10-GE30 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 212 | 050610220788 | Hồ Lê Thi | Anh | 03/01/2004 | Nữ | HQ10-GE31 | 3.40 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Ngày sinh | Giới tính | Thuộc lớp | Kết quả học tập | | Ngành tốt nghiệp | Xếp loại | Khóa | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------|-------|------------|-----------|-----------|-----------------|-------|-----------------------|----------|------|---------|
| | | | | | | | Hệ 4 | SỐ TC | | | | |
| 213 | 050610220190 | Nguyễn Việt | Hoàng | 30/11/2004 | Nam | HQ10-GE31 | 3.20 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 214 | 050610220284 | Phạm Nhật | Long | 18/10/2004 | Nam | HQ10-GE31 | 2.90 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 215 | 050610221081 | Phạm Nhật | Minh | 10/02/2004 | Nam | HQ10-GE31 | 3.40 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 216 | 050610220902 | Ngọ Nhật | Hà | 05/02/2004 | Nữ | HQ10-GE32 | 3.10 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |
| 217 | 050610220434 | Trương Nguyễn Quỳnh | Như | 29/01/2004 | Nữ | HQ10-GE32 | 3.30 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Giỏi | K10 | |
| 218 | 050610221502 | Nguyễn Trần Minh | Tùng | 27/10/2004 | Nam | HQ10-GE32 | 3.00 | 123 | Tài chính - Ngân hàng | Khá | K10 | |

Tổng: 218 sinh viên ✓

JK

VIỆT M.

No: 966 /QĐ-ĐHNH

Ho Chi Minh City, April 08, 2026



DECISION

Regarding the recognition of graduation for full-time undergraduate students in the partial English-taught program, March 2026 session

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024) of the Chairman of the University Council on promulgating the “Regulations on functions, duties, powers, and organizational structure of affiliated and subordinate units of Banking University Ho Chi Minh City”;

Pursuant to Decision No. 1577/QĐ-ĐHNH (August 31th, 2021) of the Rector on amending and supplementing a number of articles of the academic management regulations for high-quality undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City issued under Decision No. 2134A/QĐ-ĐHNH dated October 2, 2017;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and management of undergraduate training at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and implementation of high-quality training programs, partial English programs, and special undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to the Minutes of the Graduation Evaluation Council No. 505/BB-ĐHNH (April 08, 2026), and the Proposal No.88/TTr-ĐHNH-PQLĐT (April 08, 2026), submitted by the Head of the Department of Academic Affairs.

DECIDES:

Article 1 Graduation recognition for 218 full-time undergraduate students in the partial English-taught program, March 2026 session.

(List attached)

Article 2. The students listed in Article 1 shall be awarded their graduation diplomas and are entitled to all benefits in accordance with the current regulations of the State.

Article 3. Chief of the Office, Heads of the Department of Academic Affairs, relevant units, and the students listed in Article 1 shall be responsible for implementing this decision./h ✓

Recipients:

- As in Article 3;
- Archives: GAO, DAA.

RECTOR

(Signed)

Nguyen Duc Trung

**LIST OF FULL-TIME UNDERGRADUATE STUDENTS IN THE PARTIAL ENGLISH-TAUGHT PROGRAM
RECOGNIZED FOR GRADUATION IN THE MARCH 2026 SESSION**



(Issued together with Decision No: 966/QĐ-ĐHNH, April 08, 2026 by the Rector)

| No | Student ID | Full Name | | Date of Birth | Gender | Class | Entire Course | | Major | Classification | Course | Notes |
|----|--------------|-------------------|-------|---------------|--------|----------|---------------|---------------|-------------------------|----------------|--------|-------|
| | | | | | | | 4-point scale | Total Credits | | | | |
| 1 | 050606180044 | Tong Kim | Chau | 08/03/2000 | Female | HQ6-GE02 | 2.96 | 129 | Business Administration | Good | K6 | |
| 2 | 050606180190 | Huynh Ngoc Duy | Long | 21/08/2000 | Male | HQ6-GE08 | 2.86 | 129 | Business Administration | Good | K6 | |
| 3 | 030534180117 | Ha Thi Ngoc | Nga | 28/04/2000 | Female | HQ6-GE08 | 3.13 | 129 | Business Administration | Good | K6 | |
| 4 | 050606180276 | Nguyen Phuong Bao | Nhi | 17/04/2000 | Female | HQ6-GE09 | 3.01 | 129 | Business Administration | Good | K6 | |
| 5 | 030134180031 | Dang Thi Ngoc | Anh | 19/03/2000 | Female | HQ6-GE06 | 2.62 | 129 | Banking & Finance | Good | K6 | |
| 6 | 050607190006 | Vo Thi Hoai | An | 13/12/2001 | Female | HQ7-GE09 | 2.87 | 130 | Accounting | Good | K7 | |
| 7 | 050607190042 | Vien Thi Cham | Anh | 31/03/2001 | Female | HQ7-GE09 | 3.06 | 130 | Accounting | Good | K7 | |
| 8 | 050607190052 | Ngo Bui Minh | Bao | 19/11/2001 | Male | HQ7-GE03 | 2.91 | 130 | Business Administration | Good | K7 | |
| 9 | 050607190147 | Tran Gia | Han | 18/08/2001 | Female | HQ7-GE03 | 3.15 | 130 | Business Administration | Good | K7 | |
| 10 | 050607190485 | Nguyen Le Ngoc | Thien | 21/08/2001 | Male | HQ7-GE03 | 2.91 | 130 | Business Administration | Good | K7 | |
| 11 | 050607190082 | Huynh Ho Khanh | Duy | 03/07/2001 | Male | HQ7-GE10 | 3.25 | 130 | Business Administration | Very good | K7 | |
| 12 | 050607190200 | Nguyen Hoang Ngan | Khanh | 10/06/2001 | Female | HQ7-GE10 | 3.24 | 130 | Business Administration | Very good | K7 | |
| 13 | 050607190550 | Nguyen Diep Thuy | Trang | 14/11/2001 | Female | HQ7-GE11 | 2.94 | 130 | Business Administration | Good | K7 | |
| 14 | 050607190634 | Phan Thi Tuy | Van | 13/02/2001 | Female | HQ7-GE11 | 3.10 | 130 | Business Administration | Good | K7 | |
| 15 | 050607190603 | Ta Thi Ngoc | Tu | 30/06/2001 | Female | HQ7-GE13 | 3.17 | 130 | Business Administration | Good | K7 | |
| 16 | 030135190355 | Pham Kim | Ngan | 11/06/2001 | Female | HQ7-GE05 | 3.20 | 130 | Banking & Finance | Very good | K7 | |
| 17 | 050607190341 | Le Hong | Nhi | 18/10/2001 | Female | HQ7-GE17 | 3.14 | 130 | Banking & Finance | Good | K7 | |
| 18 | 050608200444 | Nguyen Dang | Minh | 27/08/2002 | Male | HQ8-GE01 | 2.99 | 123 | Accounting | Good | K8 | |
| 19 | 050608200154 | Pham Nguyen Anh | Thu | 16/11/2002 | Female | HQ8-GE10 | 3.22 | 123 | Accounting | Very good | K8 | |
| 20 | 050608200223 | Truong Hoai | An | 15/06/2002 | Male | HQ8-GE02 | 3.08 | 123 | Business Administration | Good | K8 | |

| No | Student ID | Full Name | | Date of Birth | Gender | Class | Entire Course | | Major | Classification | Course | Notes |
|----|--------------|-----------------|--------|---------------|--------|----------|---------------|---------------|-------------------------|----------------|--------|-------|
| | | | | | | | 4-point scale | Total Credits | | | | |
| 21 | 050608200514 | Doan Tran Yen | Nhi | 30/09/2002 | Female | HQ8-GE03 | 3.13 | 123 | Business Administration | Good | K8 | |
| 22 | 050608200011 | Nguyen Thi | Anh | 02/02/2002 | Female | HQ8-GE11 | 3.17 | 123 | Business Administration | Good | K8 | |
| 23 | 050608200348 | Nguyen Hoa | Hiep | 05/11/2001 | Male | HQ8-GE11 | 2.79 | 123 | Business Administration | Good | K8 | |
| 24 | 050608200417 | Le Thi Thuy | Linh | 13/03/2002 | Female | HQ8-GE11 | 3.14 | 123 | Business Administration | Good | K8 | |
| 25 | 050608200730 | Nguyen Ngoc | Tram | 22/08/2002 | Female | HQ8-GE12 | 3.19 | 123 | Business Administration | Good | K8 | |
| 26 | 050608200505 | Duong Thi Thanh | Nhan | 25/09/2002 | Female | HQ8-GE13 | 2.97 | 123 | Business Administration | Good | K8 | |
| 27 | 050608200425 | Trinh Thi My | Linh | 02/05/2002 | Female | HQ8-GE05 | 3.26 | 123 | Banking & Finance | Very good | K8 | |
| 28 | 050608200269 | Pham Thanh | Danh | 17/09/2002 | Male | HQ8-GE07 | 3.02 | 123 | Banking & Finance | Good | K8 | |
| 29 | 050608200209 | Nguyen Pham Hai | Binh | 04/12/2002 | Female | HQ8-GE08 | 3.18 | 123 | Banking & Finance | Good | K8 | |
| 30 | 050608200741 | To Hoang | Trinh | 10/09/2001 | Female | HQ8-GE14 | 2.85 | 123 | Banking & Finance | Good | K8 | |
| 31 | 050608200082 | Tram Thanh | Lam | 02/10/2002 | Male | HQ8-GE17 | 2.94 | 123 | Banking & Finance | Good | K8 | |
| 32 | 050609210037 | Tran Hoang | Anh | 06/01/2003 | Male | HQ9-GE01 | 2.90 | 123 | Accounting | Good | K9 | |
| 33 | 050609212358 | Le Dinh | De | 18/05/2003 | Male | HQ9-GE01 | 2.70 | 123 | Accounting | Good | K9 | |
| 34 | 050609211894 | Le Ngoc Quynh | Giang | 06/06/2003 | Female | HQ9-GE01 | 3.20 | 123 | Accounting | Very good | K9 | |
| 35 | 050609210462 | Do Le | Huong | 26/08/2003 | Female | HQ9-GE01 | 2.90 | 123 | Accounting | Good | K9 | |
| 36 | 050609210961 | Vu Le Truc | Nha | 02/05/2003 | Female | HQ9-GE01 | 3.10 | 123 | Accounting | Good | K9 | |
| 37 | 050609211416 | Le Hoang Anh | Thu | 19/05/2002 | Female | HQ9-GE01 | 2.90 | 123 | Accounting | Good | K9 | |
| 38 | 050609212280 | Tran Hoang Ngoc | Tram | 14/07/2003 | Female | HQ9-GE01 | 3.20 | 123 | Accounting | Very good | K9 | |
| 39 | 050609211721 | Nguyen Thi Xuan | Vy | 17/04/2003 | Female | HQ9-GE01 | 3.30 | 123 | Accounting | Very good | K9 | |
| 40 | 050609210304 | Do Phuong | Giang | 12/06/2003 | Female | HQ9-GE11 | 3.00 | 123 | Accounting | Good | K9 | |
| 41 | 050609212277 | Luong Hoai | Tram | 01/01/2003 | Female | HQ9-GE11 | 2.80 | 123 | Accounting | Good | K9 | |
| 42 | 050609211688 | Tran Thanh | Van | 19/01/2003 | Female | HQ9-GE11 | 3.20 | 123 | Accounting | Very good | K9 | |
| 43 | 050609212143 | Luong Thi Anh | Phuong | 31/08/2003 | Female | HQ9-GE12 | 3.10 | 123 | Accounting | Good | K9 | |
| 44 | 050609210023 | Ho Thuy | An | 20/04/2003 | Female | HQ9-GE02 | 2.90 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |

| No | Student ID | Full Name | | Date of Birth | Gender | Class | Entire Course | | Major | Classification | Course | Notes |
|----|--------------|-------------------|-------|---------------|--------|----------|---------------|---------------|-------------------------|----------------|--------|-------|
| | | | | | | | 4-point scale | Total Credits | | | | |
| 45 | 050609210149 | Pham Nguyen Hoang | Chau | 17/04/2003 | Female | HQ9-GE02 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 46 | 050609211914 | Mai Thu | Hang | 06/08/2003 | Female | HQ9-GE02 | 3.00 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 47 | 050609212082 | Dao Thuy | Nha | 02/04/2003 | Female | HQ9-GE02 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 48 | 050609212368 | Nguyen Le Ngoc | Thu | 09/01/2003 | Female | HQ9-GE02 | 2.80 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 49 | 050609211877 | Nguyen Hoang My | Duyen | 13/12/2003 | Female | HQ9-GE03 | 3.40 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 50 | 050609210640 | Tran Ngoc Yen | Linh | 11/06/2002 | Female | HQ9-GE03 | 2.90 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 51 | 050609210757 | Nguyen Chau Hoang | Minh | 10/12/2003 | Female | HQ9-GE03 | 3.00 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 52 | 050609211232 | Pham Truc | Quynh | 10/09/2003 | Female | HQ9-GE03 | 2.90 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 53 | 050609211829 | Tran Ngoc Tuan | Anh | 24/03/2003 | Male | HQ9-GE04 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 54 | 050609210648 | Do Hoang Anh | Linh | 28/10/2003 | Female | HQ9-GE04 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 55 | 050609211207 | Ha Thi Kim | Quyen | 27/02/2003 | Female | HQ9-GE04 | 2.90 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 56 | 050609211334 | Nguyen Phuong | Thao | 26/05/2003 | Female | HQ9-GE04 | 3.00 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 57 | 050609212284 | Nguyen Ngoc Bao | Tran | 23/07/2003 | Female | HQ9-GE04 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 58 | 050609210017 | Thai Tang Hoai | An | 03/10/2003 | Female | HQ9-GE13 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 59 | 050609210025 | Nguyen Le Truong | An | 18/11/2003 | Male | HQ9-GE13 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 60 | 050609211831 | Truong Minh | Anh | 03/03/2003 | Female | HQ9-GE13 | 3.40 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 61 | 050609211832 | Vo Minh | Anh | 10/03/2003 | Female | HQ9-GE13 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 62 | 050609211837 | Nguyen Thi Ngoc | Anh | 10/09/2003 | Female | HQ9-GE13 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 63 | 050609210126 | Nguyen Quoc | Bao | 14/11/2003 | Male | HQ9-GE13 | 3.00 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 64 | 050609211865 | Vu Thi Phuong | Dieu | 23/09/2003 | Female | HQ9-GE13 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 65 | 050609211871 | Nguyen Ho An | Duy | 22/07/2003 | Male | HQ9-GE14 | 2.90 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 66 | 050609211897 | Nguyen Huong | Giang | 05/03/2003 | Female | HQ9-GE14 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 67 | 050609211902 | Vu Quynh | Giang | 13/02/2003 | Female | HQ9-GE14 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 68 | 050609211923 | Le Hoang | Han | 19/07/2003 | Female | HQ9-GE14 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |

| No | Student ID | Full Name | | Date of Birth | Gender | Class | Entire Course | | Major | Classification | Course | Notes |
|----|--------------|-----------------|--------|---------------|--------|----------|---------------|---------------|-------------------------|----------------|--------|-------|
| | | | | | | | 4-point scale | Total Credits | | | | |
| 69 | 050609211928 | Nguyen Ngoc Gia | Han | 25/02/2003 | Female | HQ9-GE14 | 3.00 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 70 | 050609211934 | Tran Bao | Han | 25/09/2003 | Female | HQ9-GE14 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 71 | 050609210384 | Le Diem | Hang | 03/08/2003 | Female | HQ9-GE14 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 72 | 050609210413 | Vu Thi Thanh | Hieu | 17/09/2003 | Female | HQ9-GE14 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 73 | 050609210487 | Ha Hoang | Huy | 22/01/2003 | Male | HQ9-GE14 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 74 | 050609211960 | Pham Le | Huy | 06/03/2003 | Male | HQ9-GE14 | 2.80 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 75 | 050609210531 | Vu Kim | Khanh | 02/09/2003 | Female | HQ9-GE15 | 2.70 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 76 | 050609211995 | Le Tuan | Kiet | 05/04/2003 | Male | HQ9-GE15 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 77 | 050609212002 | Phung Thanh | Liem | 20/07/2003 | Male | HQ9-GE15 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 78 | 050609210683 | Ly Huynh Phung | Linh | 30/08/2003 | Female | HQ9-GE15 | 3.00 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 79 | 050609212005 | Dang Hoang Truc | Linh | 08/04/2003 | Female | HQ9-GE15 | 2.70 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 80 | 050609212025 | Pham Tan | Loc | 28/12/2003 | Male | HQ9-GE15 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 81 | 050609212047 | Tran Ngoc Anh | Minh | 15/03/2003 | Female | HQ9-GE15 | 3.00 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 82 | 050609210966 | Nguyen Huu | Nhan | 17/09/2003 | Male | HQ9-GE16 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 83 | 050609212090 | Vo Lam Hong | Nhan | 27/02/2003 | Male | HQ9-GE16 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 84 | 050609211008 | Nguyen Thi Yen | Nhi | 02/11/2003 | Female | HQ9-GE16 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 85 | 050609212099 | Nguyen Thi Yen | Nhi | 24/07/2003 | Female | HQ9-GE16 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 86 | 050609212114 | Mai Thi Quynh | Nhu | 03/04/2003 | Female | HQ9-GE16 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 87 | 050609212123 | Nguyen Thu | Nu | 18/06/2003 | Female | HQ9-GE16 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 88 | 050609212128 | Vu Hoang | Oanh | 18/08/2003 | Female | HQ9-GE16 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 89 | 050609212145 | Ngo Nhu | Phuong | 18/10/2003 | Female | HQ9-GE16 | 3.60 | 123 | Business Administration | Excellent | K9 | |
| 90 | 050609212167 | Nguyen Thi Diem | Quynh | 24/07/2003 | Female | HQ9-GE17 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 91 | 050609212177 | Ho Minh | Tam | 01/09/2003 | Male | HQ9-GE17 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 92 | 050609212203 | Nguyen Thi Hong | Tham | 26/03/2003 | Female | HQ9-GE17 | 3.40 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |

| No | Student ID | Full Name | | Date of Birth | Gender | Class | Entire Course | | Major | Classification | Course | Notes |
|-----|--------------|------------------|--------|---------------|--------|----------|---------------|---------------|-------------------------|----------------|--------|-------|
| | | | | | | | 4-point scale | Total Credits | | | | |
| 93 | 050609211353 | Le Ngoc | Thao | 28/11/2003 | Female | HQ9-GE17 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 94 | 050609212196 | Pham Thi Kim | Thao | 19/12/2003 | Female | HQ9-GE17 | 3.00 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 95 | 050609212205 | Nguyen Nhu | The | 24/05/2003 | Female | HQ9-GE17 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 96 | 050609211421 | Tran Ngoc Anh | Thu | 19/11/2003 | Female | HQ9-GE17 | 3.00 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 97 | 050609212241 | Phung Thi Anh | Thu | 20/12/2003 | Female | HQ9-GE17 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 98 | 050609211617 | Nguyen Khang | Truong | 26/06/2003 | Male | HQ9-GE18 | 2.90 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 99 | 050609212318 | Tran Phuong | Uyen | 17/03/2003 | Female | HQ9-GE18 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 100 | 050609212319 | Truong Ha Truc | Uyen | 26/11/2003 | Female | HQ9-GE18 | 3.10 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 101 | 050609212341 | Tran Thi Tuong | Vy | 18/10/2003 | Female | HQ9-GE18 | 2.80 | 123 | Business Administration | Good | K9 | |
| 102 | 050609212347 | Huynh A | Vy | 28/04/2003 | Male | HQ9-GE18 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 103 | 050609211783 | Tran Vu Nhu | Y | 12/01/2003 | Female | HQ9-GE18 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K9 | |
| 104 | 050609210210 | Nguyen Thanh | Dat | 16/03/2003 | Male | HQ9-GE05 | 3.40 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 105 | 050609210532 | Ngo Nhat | Khanh | 02/03/2003 | Male | HQ9-GE05 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 106 | 050609211036 | Ngo Thi Quynh | Nhu | 21/03/2003 | Female | HQ9-GE05 | 2.70 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 107 | 050609211338 | Le Thi Ngoc | Thao | 01/08/2003 | Female | HQ9-GE05 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 108 | 050609211700 | Nguyen Khoi | Vi | 15/01/2003 | Male | HQ9-GE05 | 2.80 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 109 | 050609211854 | Le Thi Minh | Chau | 04/09/2003 | Female | HQ9-GE06 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 110 | 050609210279 | Tran Ngoc | Duyen | 20/05/2003 | Female | HQ9-GE06 | 2.80 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 111 | 050609210294 | Truong Quy Hoang | Gia | 07/08/2003 | Male | HQ9-GE06 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 112 | 050609210494 | Tran Mai Le | Huyen | 19/04/2003 | Female | HQ9-GE06 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 113 | 050609210596 | Nguyen Thi Thien | Kim | 31/07/2003 | Female | HQ9-GE06 | 3.50 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 114 | 050609210655 | Nguyen Phung My | Linh | 05/11/2003 | Female | HQ9-GE06 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 115 | 050609210967 | Do Lai Hoang | Nhan | 28/05/2003 | Male | HQ9-GE06 | 2.70 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 116 | 050609211614 | Le Duc Anh | Trung | 21/07/2003 | Male | HQ9-GE06 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |


| No | Student ID | Full Name | | Date of Birth | Gender | Class | Entire Course | | Major | Classification | Course | Notes |
|-----|--------------|------------------|-------|---------------|--------|----------|---------------|---------------|-------------------|----------------|--------|-------|
| | | | | | | | 4-point scale | Total Credits | | | | |
| 117 | 050609211626 | Nguyen Tran Viet | Tu | 07/10/2003 | Female | HQ9-GE06 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 118 | 050609211705 | Nguyen Ba | Vinh | 26/07/2003 | Male | HQ9-GE06 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 119 | 050609211740 | Nguyen Thuy | Vy | 11/05/2003 | Female | HQ9-GE06 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 120 | 050609210236 | Le Ngoc Phuong | Dung | 25/10/2003 | Female | HQ9-GE07 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 121 | 050609210701 | Tran Quyet | Long | 09/09/2003 | Male | HQ9-GE07 | 2.70 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 122 | 050609211605 | Le Hoang Lam | Truc | 02/10/2003 | Female | HQ9-GE07 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 123 | 050609212071 | Nguyen Thi Bao | Ngoc | 12/01/2003 | Female | HQ9-GE08 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 124 | 050609211440 | Nguyen Thi Thanh | Thuy | 16/02/2003 | Female | HQ9-GE08 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 125 | 050609211485 | Vo Le Cao | Tien | 22/12/2003 | Male | HQ9-GE08 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 126 | 050609211499 | Nguyen Bao | Toan | 15/05/2003 | Male | HQ9-GE08 | 2.70 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 127 | 050609210458 | Doan Thien | Huong | 22/05/2003 | Female | HQ9-GE09 | 3.40 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 128 | 050609210988 | Dao Ngoc Yen | Nhi | 18/12/2003 | Female | HQ9-GE09 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 129 | 050609212120 | Trinh Ngoc | Nhu | 18/02/2003 | Female | HQ9-GE09 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 130 | 050609212367 | Le Gia | Huy | 30/12/2003 | Male | HQ9-GE10 | 2.80 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 131 | 050609212258 | Nguyen Trong | Tin | 26/04/2003 | Male | HQ9-GE10 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 132 | 050609212331 | Nguyen Viet | Vinh | 25/12/2003 | Male | HQ9-GE10 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 133 | 050609210080 | Nguyen Minh | Anh | 26/06/2003 | Male | HQ9-GE19 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 134 | 050609210198 | Ngo Diem Dong | Dao | 19/04/2003 | Female | HQ9-GE19 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 135 | 050609211864 | Le Thi Thuy | Diem | 10/02/2003 | Female | HQ9-GE19 | 2.80 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 136 | 050609210234 | Tran Nhut Thuy | Dung | 08/03/2003 | Female | HQ9-GE19 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 137 | 050609210356 | Tran Huynh Thanh | Han | 06/03/2003 | Female | HQ9-GE20 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 138 | 050609211943 | Luc Duc | Hieu | 05/03/2003 | Male | HQ9-GE20 | 2.80 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 139 | 050609210543 | Ha Le Hoang | Khanh | 24/06/2003 | Female | HQ9-GE21 | 2.80 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 140 | 050609210639 | Phan Nguyen Thuy | Linh | 30/12/2003 | Female | HQ9-GE22 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |

| No | Student ID | Full Name | | Date of Birth | Gender | Class | Entire Course | | Major | Classification | Course | Notes |
|-----|--------------|-------------------|--------|---------------|--------|-----------|---------------|---------------|-------------------|----------------|--------|-------|
| | | | | | | | 4-point scale | Total Credits | | | | |
| 141 | 050609210650 | Dinh Thuy Hue | Linh | 20/09/2003 | Female | HQ9-GE22 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 142 | 050609210659 | Nguyen Tran Nha | Linh | 17/04/2003 | Female | HQ9-GE22 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 143 | 050609212014 | Phan Bach Khanh | Linh | 04/10/2003 | Female | HQ9-GE22 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 144 | 050609210732 | Luu Phuong | May | 29/12/2003 | Female | HQ9-GE22 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 145 | 050609212084 | Phan Thi Thanh | Nha | 14/05/2003 | Female | HQ9-GE23 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 146 | 050609212094 | Ho Ngoc Yen | Nhi | 07/09/2003 | Female | HQ9-GE23 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 147 | 050609211147 | Nguyen Ngoc Minh | Phuong | 25/01/2003 | Female | HQ9-GE24 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 148 | 050609211164 | Mai Nguyen Yen | Phuong | 27/05/2003 | Female | HQ9-GE24 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 149 | 050609211205 | Ha Bao | Quyen | 07/01/2003 | Female | HQ9-GE25 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 150 | 050609211269 | Huynh Thao | Tam | 04/08/2003 | Female | HQ9-GE25 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 151 | 050609211298 | Nguyen Manh | Thang | 28/08/2003 | Male | HQ9-GE25 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 152 | 050609212187 | Truong Doan Phuoc | Thanh | 19/05/2003 | Male | HQ9-GE25 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 153 | 050609212188 | Bui Thu Phuong | Thao | 24/04/2003 | Female | HQ9-GE25 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 154 | 050609211340 | Pham Thuy Nguyen | Thao | 03/03/2003 | Female | HQ9-GE26 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 155 | 050609212193 | Nguyen Nhu | Thao | 21/12/2003 | Female | HQ9-GE26 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 156 | 050609212208 | Pham Thi Minh | Thi | 06/02/2003 | Female | HQ9-GE26 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 157 | 050609211414 | Nguyen Tran Anh | Thu | 20/03/2003 | Female | HQ9-GE26 | 2.70 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 158 | 050609212278 | Pham Thi Thuy | Tram | 16/03/2003 | Female | HQ9-GE27 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 159 | 050609211616 | Huynh Lam Chi | Trung | 02/01/2003 | Male | HQ9-GE27 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 160 | 050609212334 | Dau Nguyen Thao | Vy | 19/07/2003 | Female | HQ9-GE28 | 3.60 | 123 | Banking & Finance | Excellent | K9 | |
| 161 | 050609211784 | Vo Huynh Nhu | Y | 09/08/2003 | Female | HQ9-GE28 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K9 | |
| 162 | 050609212354 | Tran Thi Hai | Yen | 09/11/2003 | Female | HQ9-GE28 | 2.80 | 123 | Banking & Finance | Good | K9 | |
| 163 | 050610220424 | Nguyen Pham Ha | Nhu | 03/06/2004 | Female | HQ10-GE01 | 2.70 | 123 | Accounting | Good | K10 | |
| 164 | 050610220149 | Le Tran Hong | Hanh | 08/04/2004 | Female | HQ10-GE13 | 3.20 | 123 | Accounting | Very good | K10 | |

| No | Student ID | Full Name | | Date of Birth | Gender | Class | Entire Course | | Major | Classification | Course | Notes |
|-----|--------------|--------------------|-------|---------------|--------|-----------|---------------|---------------|-------------------------|----------------|--------|-------|
| | | | | | | | 4-point scale | Total Credits | | | | |
| 165 | 050610221501 | Nguyen Le Gia | Tue | 28/08/2004 | Female | HQ10-GE04 | 3.20 | 123 | Business Administration | Very good | K10 | |
| 166 | 050610220811 | Trinh Ngoc Minh | Anh | 07/12/2004 | Female | HQ10-GE14 | 3.30 | 123 | Business Administration | Very good | K10 | |
| 167 | 050610220076 | Vo Thai | Binh | 23/07/2004 | Female | HQ10-GE14 | 3.40 | 123 | Business Administration | Very good | K10 | |
| 168 | 050610220131 | Le Thi Kim | Do | 20/04/2004 | Female | HQ10-GE14 | 3.50 | 123 | Business Administration | Very good | K10 | |
| 169 | 050610221360 | Doan Minh | Thu | 07/06/2004 | Female | HQ10-GE14 | 3.50 | 123 | Business Administration | Very good | K10 | |
| 170 | 050610221446 | Tran Thi Mai | Tram | 09/12/2004 | Female | HQ10-GE15 | 3.40 | 123 | Business Administration | Very good | K10 | |
| 171 | 050610221101 | Nguyen Pham Quynh | Nga | 16/10/2004 | Female | HQ10-GE19 | 3.40 | 123 | Business Administration | Very good | K10 | |
| 172 | 050610220081 | Tran Minh | Chau | 28/10/2004 | Male | HQ10-GE05 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 173 | 050610220163 | Nguyen Khanh Quynh | Han | 07/07/2004 | Female | HQ10-GE05 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 174 | 050610221584 | Nguyen Xuan Yen | Nhi | 12/08/2004 | Female | HQ10-GE05 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 175 | 050610220447 | Le Tan | Phat | 30/07/2004 | Male | HQ10-GE06 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 176 | 050610221326 | Pham Phuong | Thao | 14/01/2004 | Female | HQ10-GE06 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 177 | 050610220663 | Tran Quoc | Trieu | 02/01/2004 | Male | HQ10-GE07 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 178 | 050610220869 | Ngo Hoang Khanh | Duy | 29/08/2004 | Male | HQ10-GE08 | 3.40 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 179 | 050610220304 | Cao Le Thao | My | 04/11/2004 | Female | HQ10-GE10 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 180 | 050610220398 | Nguyen Buu | Nhi | 20/08/2003 | Female | HQ10-GE10 | 3.50 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 181 | 050610221535 | Nguyen Thi Xuan | Viet | 01/03/2004 | Female | HQ10-GE10 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 182 | 050610220730 | Dinh Le Hong Yen | Vy | 26/06/2004 | Female | HQ10-GE10 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 183 | 050610220761 | Nguyen Thi Kim | Xuan | 18/01/2003 | Female | HQ10-GE10 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 184 | 050610220850 | Nguyen Thanh | Danh | 22/05/2004 | Male | HQ10-GE20 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 185 | 050610220312 | Nguyen Dang Hoai | My | 11/03/2004 | Female | HQ10-GE20 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 186 | 050610220418 | Dinh Nhat Khanh | Nhu | 30/06/2004 | Female | HQ10-GE20 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 187 | 050610220666 | Le Thi Phuong | Trinh | 22/03/2004 | Female | HQ10-GE20 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 188 | 050610220955 | Nguyen Quang | Huy | 16/09/2004 | Male | HQ10-GE21 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |

| No | Student ID | Full Name | | Date of Birth | Gender | Class | Entire Course | | Major | Classification | Course | Notes |
|-----|--------------|-----------------|--------|---------------|--------|-----------|---------------|---------------|-------------------|----------------|--------|-------|
| | | | | | | | 4-point scale | Total Credits | | | | |
| 189 | 050610220411 | Dinh Bao | Nhur | 04/08/2004 | Female | HQ10-GE21 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 190 | 050610220413 | Pham Thi Thu | Nhung | 20/01/2004 | Female | HQ10-GE21 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 191 | 050610221246 | Le Diem | Phuong | 10/11/2004 | Female | HQ10-GE21 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 192 | 050610220860 | Nguyen Ngoc | Dung | 10/06/2004 | Female | HQ10-GE22 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 193 | 050610220944 | Dao Thi Minh | Hoang | 01/01/2003 | Female | HQ10-GE22 | 3.50 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 194 | 050610221313 | Dang Phuong | Thao | 12/04/2004 | Female | HQ10-GE22 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 195 | 050610220480 | Bui Minh | Phuong | 06/03/2004 | Female | HQ10-GE23 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 196 | 050610220506 | Ta Diem Nhu | Quynh | 01/06/2004 | Female | HQ10-GE23 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 197 | 050610220491 | Nguyễn Thi Diễm | Quynh | 10/09/2004 | Female | HQ10-GE23 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 198 | 050610220573 | Hoang Phuong | Thuy | 15/04/2003 | Female | HQ10-GE25 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 199 | 050610220792 | Le Phuong | Anh | 04/11/2004 | Female | HQ10-GE26 | 3.40 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 200 | 050610220835 | Tran Thi Nhu | Binh | 21/08/2004 | Female | HQ10-GE26 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 201 | 050610220972 | Pham Thi Mai | Huong | 26/10/2004 | Female | HQ10-GE26 | 3.60 | 123 | Banking & Finance | Excellent | K10 | |
| 202 | 050610221144 | Le Thao | Nguyen | 22/12/2004 | Female | HQ10-GE26 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 203 | 050610221371 | Nguyen Le Anh | Thu | 16/01/2004 | Female | HQ10-GE26 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 204 | 050610220739 | Nguyen Hai | Vy | 26/08/2004 | Female | HQ10-GE26 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 205 | 050610220880 | Le Nguyen Hong | Dao | 24/11/2004 | Female | HQ10-GE27 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 206 | 050610220873 | Cao Ky | Duyen | 06/11/2002 | Female | HQ10-GE27 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 207 | 050610220928 | Huynh Bich | Hien | 11/08/2004 | Female | HQ10-GE27 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 208 | 050610220962 | Tran Thi Thanh | Huyen | 10/05/2004 | Female | HQ10-GE28 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 209 | 050610221021 | Phan Ton Hoang | Lam | 27/10/2004 | Male | HQ10-GE29 | 3.40 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 210 | 050610221060 | Vi | Mach | 07/04/2004 | Male | HQ10-GE29 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 211 | 050610221169 | Le Nguyen Ngoc | Nhi | 13/08/2004 | Female | HQ10-GE30 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 212 | 050610220788 | Ho Le Thi | Anh | 03/01/2004 | Female | HQ10-GE31 | 3.40 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |

| No | Student ID | Full Name | | Date of Birth | Gender | Class | Entire Course | | Major | Classification | Course | Notes |
|-----|--------------|---------------------|-------|---------------|--------|-----------|---------------|---------------|-------------------|----------------|--------|-------|
| | | | | | | | 4-point scale | Total Credits | | | | |
| 213 | 050610220190 | Nguyen Viet | Hoang | 30/11/2004 | Male | HQ10-GE31 | 3.20 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 214 | 050610220284 | Pham Nhat | Long | 18/10/2004 | Male | HQ10-GE31 | 2.90 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 215 | 050610221081 | Pham Nhat | Minh | 10/02/2004 | Male | HQ10-GE31 | 3.40 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 216 | 050610220902 | Ngo Nhat | Ha | 05/02/2004 | Female | HQ10-GE32 | 3.10 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |
| 217 | 050610220434 | Truong Nguyen Quynh | Nhu | 29/01/2004 | Female | HQ10-GE32 | 3.30 | 123 | Banking & Finance | Very good | K10 | |
| 218 | 050610221502 | Nguyen Tran Minh | Tung | 27/10/2004 | Male | HQ10-GE32 | 3.00 | 123 | Banking & Finance | Good | K10 | |

Total: 218 students 



VIỆT M.